

Bản án số: 19/2019/DS-PT

Ngày: 10 - 4 - 2019

V/v “Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất và tranh chấp hủy
phần điều chỉnh ghi trong Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa, ông Lương Thanh Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Trung - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh B Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/4/2019 và 10/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và Tranh chấp hủy phần điều chỉnh ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn Ng - Sinh năm 1929.

Nơi cư trú: 71 TQ, khu phố 08, phường BH, thành phố PT, tỉnh B Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Lê Văn Ng: Ông Nguyễn Văn Ph- Sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 02, thôn TB, xã HT, huyện BB, tỉnh B Thuận. Có mặt.

Trợ giúp viên pháp lý của Ông Lê Văn Ng: Bà Hồ Thị N – Luật sư – Công tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn TB, xã HT, huyện BB, tỉnh B Thuận. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài T – Luật sư – Văn phòng luật sư số 07 – Đoàn luật sư tỉnh B Thuận. Có mặt.

Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thành Th - Sinh năm 1994.
2. Bà Nguyễn Thị Nh - Sinh năm 2000.
3. Bà Cai Thị Nh - Sinh năm 1947.

Cùng cư trú: Thôn TB, xã HT, huyện BB, tỉnh B Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thành Th, Nguyễn Thị Nh: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, Sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn TB, xã HT, huyện BB, tỉnh B Thuận. Có mặt.

4. Ủy ban nhân dân huyện BB. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Th, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BB. Theo Văn bản Ủy quyền ngày 04.4.2019. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1942.

Nơi cư trú: Số nhà 278, thôn BL, xã P, huyện BB, tỉnh B Thuận.

6. Bà Ngô Thị H - Sinh năm 1943.

Nơi cư trú: Số nhà 62 PNL, Dân phố 15, GH 02, thị trấn P, huyện TP, tỉnh B Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cai Thị Nh, bà Nguyễn Thị L và bà Ngô Thị H: Ông Nguyễn Văn Ph- Sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ 02, thôn TB, xã HT, huyện BB, tỉnh B Thuận. Có mặt.

7. Ông Ngô Văn Th - Sinh năm 1956.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 24, thị trấn P, huyện TP, tỉnh B Thuận. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn Ng, Bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Thành Th, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị L, bà Ngô Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Ph trình bày:

Lý lịch gia đình Ông Lê Văn Ng gồm: Mẹ của Ông Lê Văn Ng là bà Nguyễn Thị Tr có 2 đời chồng: đời thứ nhất có 2 người con là Huỳnh Thị Nh (chết năm 2002) và Huỳnh Thị T (chết năm 2013) ; đời thứ hai có 4 người con: Lê Minh Đ (chết năm 1987) Lê Quang L (chết năm 1996) , Lê Thị H (chết năm 1956) và Lê Văn Ng.

Nguồn gốc đất vợ chồng ông Nguyễn D và bà Huỳnh Thị Nh tạo lập trước năm 1975 khai Hng đã có 10.000m² đất, bà Huỳnh Thị Nh hiến cho HTX Thái B còn lại 3.513m² để canh tác và làm hương hỏa cho gia đình. Chồng bà Nh là ông Nguyễn D (chết lâu) và bà Nh không có con. Bà Huỳnh Thị Nh đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 do UBND huyện BB cấp đất thổ cư 762m² và

đất màu 2 thửa: Thửa số 458, diện tích 1.879m² và thửa 457, diện tích 1.634m², có thời hạn sử dụng đến hết tháng 5/2006.

Ông Lê Văn Ng là em cùng mẹ khác cha của bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1916, bà Nh chết năm 2002 không để lại di chúc, ông Nguyễn Văn B là cháu nội họ của ông Nguyễn D, năm 1998 ông B chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nh cho ông Nguyễn Văn T thuê từ năm 1999 đến năm 2011 (thuê giấy tay). Ông B có vợ là Bà Nguyễn Thị Ngọc H, khi ông Nguyễn Văn B chết năm 2005 bà H tự ý làm đơn xin gia hạn quyền sử dụng đất, đồng thời xin chuyển tên chủ quyền sử dụng các thửa đất vào ngày 30/9/2009 bà H canh tác cho đến nay.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc H trả lại diện tích 3.513m² cho ông Ng và các người thừa kế di sản của bà Huỳnh Thị Nh. Hủy phần điều chỉnh sang tên từ bà Huỳnh Thị Nh cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H, được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nh.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là nhà nước cấp cho hộ gia đình, trong hộ gồm bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B sống với bà Huỳnh Thị Nh năm 1987. Đến năm 1992 bà H gặp ông B và sống chung cùng canh tác ruộng của bà Nh diện tích 3.513m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh. Ngày 08/12/1999, bà Nh đã làm giấy ủy quyền cho ông B được toàn quyền đối với diện tích 3.513m² đất nói trên và đã được Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp TB, UBND xã HT ký xác nhận. Ngày 30/9/2009 bà H làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Nh sang bà H, UBND huyện BB đã cấp cho bà H, không có ai tranh chấp và canh tác cho đến nay. Bà H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đất nông nghiệp nhà nước đã cấp cho hộ gia đình bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B không phải đất thừa kế như ông Ng khai.

Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:

- *Bà Cai Thị Nh trình bày:* Bà là mẹ ruột của Nguyễn Văn B, khi ông B gặp bà H đã có một người vợ trước đã chết và không có con, sau đó gặp bà H đã có chồng và có một con riêng. Bà H với ông B có 02 người con là Nguyễn Thành Th, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Nh, sinh năm 2000.

Nguồn gốc đất sau năm 1975 bà Nh hiến đất trong 10.000m² còn lại diện tích 3.513m² bà Nh giữ lại. Ông B là cháu nội của bà Nh, bà Nh cho ông B thuê đến mùa thu hoạch chia cho bà Nh. Năm 1997 bà Nh bán lô đất thổ cư cho ông B, bà H. Năm 1998 bà Nh già yếu ông B và bà H lợi dụng cơ hội già yếu, qua lại và chiếm quyền sử dụng đất. Khi ông B chết năm 2005 bà H tự chuyển tên bà Nh sang Bà Nguyễn Thị Ngọc H. Đất đang tranh chấp là của cá nhân bà Nh chứ không phải của ông B. Nếu Tòa xem xét giải quyết theo luật có phần hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của ông B thì bà xin nhận phần được hưởng.

- *Anh Nguyễn Thành Th, chị Nguyễn Thị Nh trình bày:* Anh, chị là con ruột của Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn B. Theo yêu cầu của người khởi kiện tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất 3.513m², nếu Tòa chia thừa kế quyền sử dụng

đất có phần được hưởng của ông Nguyễn Văn B thì xin nhận và giao lại cho mẹ nhận là Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Ủy ban nhân dân huyện BB trình bày: UBND huyện BB đã có công văn số 1024/UBND-NC ngày 02/7/2014 và công văn số 1781/UBND-NC ngày 23/10/2014 để phúc đáp công văn số 2348/UBND-NC ngày 27/11/2017 về việc: Phúc đáp công văn số 289 ngày 15/9/2017. Do đó, UBND huyện đề nghị Tòa căn cứ quy định của pháp luật về đất đai để xem xét giải quyết vụ án.

- Bà Nguyễn Thị Lâu, bà Ngô Thị H và Ngô Văn Th trình bày: Các ông, bà là con của bà Huỳnh Thị T, bà T là em ruột của bà Huỳnh Thị Nh. Bà T chết năm 2013 có 3 người con gồm Nguyễn Thị Lâu, Ngô Thị H và Ngô Văn Th. Bà Huỳnh Thị Nh có chồng Nguyễn D đã chết

Đất đang tranh chấp diện tích 3.513m² hiện nay Bà Nguyễn Thị Ngọc H đang canh tác. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Văn Ng yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất, nếu có phần chia xin nhận thừa kế được hưởng.

Ngày 15/9/2017 Tòa án huyện BB có Công văn số 289/2017/TA-DS, V/v “Đề nghị xác minh thông tin” Ngày 27/11/2017 UBND huyện BB có công văn số 2348/UBND-NC V/v phúc đáp công văn số 289 như sau:

Đối với nội Dung nêu tại điểm 1 công văn 289/2017/TADS: Trước đây, UBND huyện đã phúc đáp tại Văn bản số 1024/UBND-NC ngày 02/7/2014 như sau:

1. Nguồn gốc của 3.513m² diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 là do Nhà nước (HTX TB) cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Nh.

2. Tại thời điểm nhà nước cấp diện tích 3.513m² đất trồng lúa; hộ bà Huỳnh Thị Nh gồm 02 nhân khẩu là bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B.

3. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B là người được quyền sử dụng.

4. Diện tích trồng lúa 3.513m² bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B được UBND huyện gia hạn cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục quản lý sử dụng.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản đã được các đương sự thống nhất thì tổng giá trị tài sản đang tranh chấp đã được định giá là 134.056.080đồng.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB đã quyết định:

Căn cứ vào: - Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013.

- Các Điều 733, 734, 735 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 10 chương II Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn Ng về yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Xác định di sản của bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B là đất trồng lúa diện tích 3.513m² gồm 02 thửa (thửa 457 có diện tích 1.634m² và thửa 458 có diện tích 1.879m²) trị giá 134.056.080 đồng. (Theo biên bản định giá tài sản ngày 03/8/2017).

- Chia Ông Lê Văn Ng nhận 33.514.020 đồng phần thừa kế của bà Huỳnh Thị Nh.

- Chia bà Huỳnh Thị T nhận 33.514.020 đồng phần thừa kế của bà Huỳnh Thị Nh, bà T đã chết nên phần của bà T được chia cho ba người con của bà T gồm: bà Nguyễn Thị Lâu; bà Ngô Thị H và ông Ngô Văn Th mỗi người nhận 11.171.340 đồng.

- Chia cho Nguyễn Thị Ngọc H, bà Cai Thị Nh, Nguyễn Thành Th và Nguyễn Thị Nh mỗi người được nhận 16.757.010 đồng, phần thừa kế của ông Nguyễn Văn B.

2 - Giao cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H nhận đất trồng lúa diện tích 3.513m² gồm 02 thửa (thửa 457 có diện tích 1.634m² và thửa 458 có diện tích 1.879m²) trị giá 134.056.080 đồng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh. Ngày 30/9/2009 Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Huỳnh Thị Nh sang tên Bà Nguyễn Thị Ngọc H hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế mà bà H được nhận.

3 - Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn lại cho Lê Văn Ng số tiền là 33.514.020 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Lâu, Ngô Thị H, ông Ngô Văn Th mỗi người nhận số tiền là 11.171.340 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn lại Bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Cai Thị Nh, Nguyễn Thành Th và Nguyễn Thị Nh mỗi người nhận số tiền là 16.757.010 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên các quyết định khác về án phí, lệ phí, Ng vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2018 Ông Lê Văn Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do vợ chồng bà Nh, ông D tạo lập; chứ không phải đất cấp cho hộ bà Nh. Nên ông yêu cầu chia thừa kế 3.513m² đất trồng lúa cho những người thừa kế của bà Nh; không đồng ý chia thừa kế cho những người thừa kế của ông Nguyễn Văn B. Ông yêu cầu hủy phần điều chỉnh sang tên cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H và yêu cầu được nhận ruộng để sản xuất.

Ngày 06/7/2018 Bà Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Thành Th và chị Nguyễn

Thị Nh kháng cáo cho rằng diện tích đất tranh chấp 3.513m² đất lúa do Ủy ban nhân dân huyện BB, Bình Thuận cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Nh gồm bà Nh và ông Nguyễn Văn B; năm 1999 bà Nh đã làm giấy giao lại phần của bà Nh cho ông B và được chính quyền địa phương là Hợp tác xã TB và UBND xã HT xác nhận; nên sau khi bà Nh và ông B chết, bà H đã làm thủ tục sang tên từ bà Nh sang cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H. Nên yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Văn Ng; công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp là tài sản của hộ Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Ngày 06/7/2018, Tòa án nhân dân huyện BB có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 04/2018/QĐ-SCBSBA.

Ngày 10/7/2018 bà Nguyễn Thị L và bà Ngô Thị H kháng cáo cho rằng diện tích đất tranh chấp là di sản của bà Huỳnh Thị Nh, chứ không phải của hộ bà Nh và không phải tài sản chung với ông B. Nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện BB.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H và những người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Lê Văn Ng, Nguyễn Thị Lôu, Ngô Thị H, Cháu Nguyễn Thành Th, Nguyễn Thị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Ông Lê Văn Ng phát biểu ý kiến và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ng. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Ngọc H và những người con của bà H.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H phát biểu ý kiến và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Ngọc H. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Lê Văn Ng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B Thuận phát biểu ý kiến về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về hàng thừa kế và người được hưởng di sản, vì những người con của bà T không được hưởng thừa kế thế vị. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Văn Ng; không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Ngọc H và của những người con của bà Ngọc H: Hủy phần điều chỉnh sang tên cho hộ Bà Nguyễn Thị Ngọc H ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nh. Giao cho Ông Lê Văn Ng và Bà Nguyễn Thị Ngọc H mỗi người được quyền sử dụng 01 thửa đất; người nào nhận tài sản thì phải hoàn tiền lại cho các thừa kế khác.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ông Lê Văn Ng khởi kiện tranh chấp yêu cầu chia thừa kế tài sản và hủy phần điều chỉnh sang tên cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nh và tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết 02 yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Nên trong vụ án này có 02 quan hệ pháp luật bị tranh chấp. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm xác định có 01 quan hệ pháp

luật bị tranh chấp là thiếu sót, nên hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa phần này, như phần đầu bản án đã xác định.

[II] Về nội Dung:

[1] Xét việc các đương sự phía nguyên đơn kháng cáo cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do ông Nguyễn D và bà Huỳnh Thị Nh tạo lập trước năm 1975 khai Hng đã có 10.000m² đất, bà Huỳnh Thị Nh hiến cho HTX TB còn lại 3.513m² để canh tác và làm hương hỏa cho gia đình; nên 3.513m² đất tranh chấp là tài sản riêng của vợ chồng bà Nh, ông D. Không phải tài sản chung của bà Nh ông B;

Hội đồng xét xử án xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh hỏi cơ quan quản lý Đất đai tại địa phương về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 3.513m² đất trồng lúa; Ủy ban nhân dân huyện BB đã có nhiều văn bản trả lời, thì:

*Tại Văn bản số 2348/UBND-NC ngày 27/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận xác định như sau:

“Qua xem xét hồ sơ liên quan, theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 120/BC-TNMT ngày 24/11/2017; UBND huyện BB có ý kiến như sau:

- Đối với nội Dung nêu tại Điểm 1 Công văn số 289/2017/TA-DS:

Trước đây, UBND huyện đã phúc đáp, trả lời rõ tại Công văn số 1024/UBND-NC ngày 02/7/2014 và Công văn số 1781/UBND-NC ngày 23/10/2014. Do đó, UBND huyện không trả lời lại nội Dung này.

- Đối với nội dung nêu tại Điểm 2 Công văn số 289/2017/TA-DS:

Theo Công văn số 50/TNMT ngày 12/8/2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn tạm thời giải quyết hồ sơ khi thực hiện quyền của người sử dụng đất (có đính kèm theo), thì cho phép thay đổi tên chủ sử dụng đất thành họ Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Đối với nội dung nêu tại Điểm 3 Công văn số 289/2017/TA-DS:

Năm 2009, UBND huyện tiếp nhận đơn đề ngày 24/8/2009 của Bà Nguyễn Thị Ngọc H đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với bà Cai Thị Nh, cùng địa chỉ tại Thôn TB, xã HT với tổng diện tích là 8.288,5 m² và đã có Công văn số 621/UBND-NC ngày 04/5/2010 trả lời cho bà Nguyễn Thị Ngọc H; theo đó, xác định tổng diện tích là 8.288,5 m² đất tranh chấp giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc H với bà Cai Thị Nh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; loại đất tại thời điểm xảy ra tranh chấp là cây hàng năm, cây lâu năm và đất Ng địa không có đất trồng lúa 3.513 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Huỳnh Thị Nh (diện tích đất trồng lúa 3.513 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 cấp ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh không nằm

trong diện tích 8.288,5 m² đất tranh chấp giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc H với bà Cai Thị Nh nêu tại Công văn số 621/UBND-NC ngày 04/5/2010).

Do đó, không có sự mâu thuẫn về nội dung giữa Công văn số 1024/UBND-NC ngày 02/7/2014 và Công văn số 1781/UBND-NC ngày 23/10/2014 với Công văn số 621/UBND-NC ngày 04/5/2010 của UBND huyện”.

* Tại Văn bản số 1024/UBND-NC ngày 02/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện BB xác định như sau:

“1. Nguồn gốc của 3.513m² diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 là do Nhà nước (HTX TB) cấp cho hộ bà Huỳnh Thị Nh.

2. Tại thời điểm nhà nước cấp diện tích 3.513m² đất trồng lúa; hộ bà Huỳnh Thị Nh gồm 02 nhân khẩu là bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B.

3. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B là người được quyền sử dụng.

4. Diện tích trồng lúa 3.513m² bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B được UBND huyện gia hạn cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục quản lý sử dụng”.

Do đó, kháng cáo của các đương sự phía nguyên đơn cho rằng diện tích đất tranh chấp 3.513m² là tài sản riêng của vợ chồng bà Nh, là không có căn cứ pháp luật.

[2] Xét việc các đương sự phía bị đơn kháng cáo cho rằng nguồn gốc diện tích 3.513m² đất trồng lúa đang tranh chấp là do Nhà nước cấp cho hộ bà Nh, gồm bà Nh và ông B. Ngày 08/12/1999, bà Nh đã làm giấy cho ông B được toàn quyền đối với diện tích 3.513m² đất nói trên và đã được Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp TB, UBND xã HT ký xác nhận; ngày 30/9/2009 bà Ngọc H làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ bà Nh sang bà Ngọc H, UBND huyện BB đã cấp cho hộ bà Ngọc H, không có ai tranh chấp và bà H canh tác cho đến nay, nên đây là tài sản riêng của Bà Nguyễn Thị Ngọc H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Hội đồng xử án xét thấy:

Như đã phân tích ở trên diện tích 3.513m² đất trồng lúa đang tranh chấp là do Nhà nước cấp cho hộ bà Nh, gồm bà Nh và ông B. Ngày 08/12/1999, bà Nh đã làm giấy Ủy quyền cho ông B được quyền sử dụng diện tích đất nói trên và làm Ng vụ với Nhà nước, chứ đây không phải là di chúc. Nên sau khi bà Nh và ông B chết, Bà Nguyễn Thị Ngọc H làm thủ tục và được Phòng tài nguyên và Môi trường huyện BB điều chỉnh thay đổi tên chủ sử dụng đất thành hộ Bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 30/9/2009, là không đúng. Nên đây không phải là tài sản riêng của Bà Nguyễn Thị Ngọc H, như phía nguyên đơn khai.

[3] Về yêu cầu hủy phần điều chỉnh của Giấy chứng nhận đứng tên Bà Nguyễn Thị Ngọc H của phía nguyên đơn:

Hội đồng xử án xét thấy:

Như đã phân tích ở, do việc Phòng tài nguyên và Môi trường huyện BB điều chỉnh thay đổi tên chủ sử dụng đất thành hộ Bà Nguyễn Thị Ngọc H trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh vào ngày 30/9/2009, là không đúng. Nên, việc nguyên đơn yêu cầu hủy phần điều chỉnh này là có căn cứ để chấp nhận, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Về chia thừa kế của bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B:

- Hiện nay di sản của bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B gồm có 02 thửa đất số 458, diện tích 1.879m² và thửa 457, diện tích 1.634m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh trị giá 134.056.080 đồng. Do hai người chết không để lại di chúc, nên bà Nh và ông B mỗi người được hưởng $\frac{1}{2} = 67.028.040$ đồng.

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B có bà Cai Thị Nh, Bà Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Thành Th và chị Nguyễn Thị Nh. Hàng thừa kế thứ 02 của bà Huỳnh Thị Nh có Ông Lê Văn Ng, bà Huỳnh Thị T (do bà T chết nên các con bà T được hưởng).

+ Chia thừa kế của bà Huỳnh Thị Nh cho: Ông Lê Văn Ng nhận 33.514.020 đồng, bà Huỳnh Thị T 33.514.020 đồng do bà T đã chết nên giao phần của bà T cho ba người con của bà T gồm: bà Nguyễn Thị Lâu; bà Ngô Thị H và ông Ngô Văn Th mỗi người nhận 11.171.340 đồng.

+ Chia thừa kế của ông Nguyễn Văn B cho: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Cai Thị Nh, Nguyễn Thành Th và Nguyễn Thị Nh mỗi người được nhận 16.757.010 đồng.

- Về chia thừa kế bằng hiện vật: Để bảo đảm về quyền được nhận tài sản thừa kế của các đương sự, nên giao cho ông Ng và Bà Nguyễn Thị Ngọc H mỗi người nhận 01 thửa đất; ông Ng nhận thửa 457, diện tích 1.634m²; bà H nhận thửa 458, diện tích 1.879m². Người nhận hiện vật phải hoàn tiền lại cho các thừa kế khác.

[5] Do đó, kháng cáo và đề nghị của Luật sư phía nguyên đơn được chấp nhận một phần. Kháng cáo và đề nghị của Luật sư phía bị đơn không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm vì vậy sẽ bị sửa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các ông, bà: Lê Văn Ng, Nguyễn Thị Lâu, Ngô Thị H. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Ngọc H, cháu Nguyễn Thành Th và Nguyễn Thị Nh.

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BB.

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013.
- Các Điều 733, 734, 735 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật dân sự 2015.
- Điều 10 chương II Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;
- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn Ng: Hủy phần những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh, do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện BB ghi ngày 30/9/2009 sang tên cho hộ Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn Ng về yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Xác định di sản của bà Huỳnh Thị Nh và ông Nguyễn Văn B là 3.513m² đất trồng lúa thuộc 02 thửa: Thửa 457 có diện tích 1.634m² và thửa 458 có diện tích 1.879m², tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh trị giá 134.056.080 đồng, mỗi người $\frac{1}{2}$ = 67.028.040 đồng.

- Xác định: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B có bà Cai Thị Nh, Bà Nguyễn Thị Ngọc H, anh Nguyễn Thành Th và chị Nguyễn Thị Nh. Hàng thừa kế thứ 02 của bà Huỳnh Thị Nh có Ông Lê Văn Ng, bà Huỳnh Thị T (do bà T chết nên các con bà T được hưởng).

- Chia thừa kế bằng hiện vật:

+ Giao cho Ông Lê Văn Ng được quyền sử dụng thửa đất số 457 có diện tích 1.634m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704, do Ủy ban nhân dân huyện BB cấp ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh, trị giá 62.353.440 đồng.

Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải giao lại diện thửa đất nói trên cho Ông Lê Văn Ng.

+ Giao cho Bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền sử dụng thửa đất số 458 có diện tích 1.879m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 272704 do Ủy ban nhân dân huyện BB cấp ngày 23/4/1991 đứng tên bà Huỳnh Thị Nh, trị giá 71.702.640 đồng;

+ Ông Lê Văn Ng và Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về hoàn tiền cho các thừa kế:

+ Buộc Ông Lê Văn Ng có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Lâu, bà Ngô Thị H mỗi người nhận 11.171.340 đồng; hoàn lại cho ông Ngô Văn Th 6.496.740 đồng.

+ Buộc Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Cai Thị Nh, anh Nguyễn Thành Th và chị Nguyễn Thị Nh mỗi người 16.757.010 đồng; hoàn lại cho ông Ngô Văn Th 4.674.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí và Lệ phí Tòa án:

3.1 Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Lê Văn Ng; hoàn trả cho Ông Lê Văn Ng 2.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006268 ngày 23/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB. Ông Lê Văn Ng không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015882, ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 837.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015846, ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB. Bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải chịu 537.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Cai Thị Nh phải nộp 837.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Anh Nguyễn Thành Th phải chịu 837.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015848, ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB. Anh Nguyễn Thành Th còn phải chịu 537.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Chị Nguyễn Thị Nh phải nộp 837.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015847, ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB. Chị Nguyễn Thị Nh còn phải nộp 537.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Nguyễn Thị Lâu phải nộp 558.567 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015852 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Ngô Thị H phải nộp 558.567 đồng án phí dân sự sơ thẩm; không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015853 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Ngô Văn Th phải nộp 558.567 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

3.1 Về lệ phí:

Các ông, bà: Lê Văn Ng, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Lâu, Ngô Thị H, Ngô Văn Th, Cai Thị Nh; Anh Nguyễn Thành Th, Chị Nguyễn Thị Nh mỗi người phải chịu 250.000 đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản. Ông Lê Văn Ng đã nộp 2.000.000 đồng tạm ứng. Nên buộc các ông, bà: Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Lâu, Ngô Thị H, Ngô Văn Th, Cai Thị Nh; Anh Nguyễn Thành Th, Chị Nguyễn Thị Nh mỗi người phải nộp 250.000 đồng để hoàn trả cho ông Ng.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 10.4.2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh B Thuận;
- TAND huyện BB ;
- Chi cục THADS huyện BB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Cường